

Bản án số: 57/2023/HSST

Ngày: 29/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức D

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện huyện C, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2023/TLST - HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn S, sinh năm 1995 tại Đồng Nai. Tên gọi khác: S mặt quỷ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn D, sinh năm 1973 (còn sống) và bà Đặng Thị Th, sinh năm 1972 (đã chết); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không; Tiền án: 02

+ Ngày 22/12/2017, bị TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 07/4/2019.

+ Ngày 31/3/2021 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 07/11/2021.

- Nhân thân:

+ Ngày 15/4/2013 bị đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc về hành vi “Trộm cắp tài sản” thời hạn 12 tháng. Chấp hành xong ngày 02/4/2014.

+ Ngày 29/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 18/02/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2023 và tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C cho đến nay.

2. Ngô Hoàng Phi H, sinh năm 1996 tại Đồng Nai. Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Thanh T, sinh năm 1968 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1974 (còn sống); Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Trần Thanh H, sinh năm 2003 sống chung như vợ chồng chưa đăng ký kết hôn; Con: chưa có; Tiền sự: không; Tiền án: 02

+ Ngày 29/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 12/5/2018.

+ Ngày 18/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 05/02/2021.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2023 đến ngày 03/01/2023 được trả tự do, từ ngày 29/3/2023 bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C cho đến nay.

3. Lê Quốc Kh, sinh năm 1997 tại Đồng Nai. Tên gọi khác: Tí em; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: phụ hồ; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hồng B, sinh năm 1964 (còn sống) và bà Đặng Thị L, sinh năm 1964 (còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 27/5/2013 bị đưa vào Trường giáo dưỡng về hành vi “gây rối trật tự công cộng”. Chấp hành xong ngày 30/5/2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C. Đến ngày 11/01/2023 được trả tự do và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

(các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*** Người bị hại:** Chị Hồ Thị Kim Th, sinh năm 1981 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: Ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: ấp 2, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

*** Người làm chứng:** Anh Ngô Quang D, sinh năm 1995 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 31/12/2022 bị cáo Đặng Văn S đang ở nhà thuộc ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai thì Ngô Quang D sinh năm 1995, trú tại ấp 1 xã X, huyện C đến chơi. Cả hai ngồi nói chuyện đến khoảng 19 giờ 00 phút, D có nói đùa với S “sát bên nhà (tức là nhà bố của D) có nhiều chim mày có dám lấy không”. S nghe thì không nói gì còn D thì đi về nhà. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, S đến nhà chị Hồ Thị Kim Th, sinh năm 1981, địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Do thấy cổng nhà chị Th đóng, nên S đi sang cổng nhà ông Ngô Văn Kh, sinh năm 1962, địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (bố của D), S mở cổng đi vào (cổng nhà ông Khoa thường không khóa vào ban đêm), rồi leo rào từ nhà bố D sang nhà chị Th lấy trộm 01 laptop nhãn hiệu Lenovo màu đen (không có dụng cụ sạc pin) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng. Sau khi trộm được tài sản trên, khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, S bỏ laptop vào trong thùng mì tôm đến nhà Ngô Hoàng Phi H. Khi S đưa laptop và nhờ H bán dùm, H nhận thức rõ đây là tài sản do S trộm cắp có được nhưng H vẫn đồng ý, H nói S ngồi chờ và mang laptop đến cửa hàng điện thoại Kim Anh của anh Nguyễn Văn H sinh năm 1994 trú tại ấp 2, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai bán được số tiền 4.300.000 đồng. Quay về nói với S bán được 2.300.000 đồng và đưa tiền cho S, số tiền 2.000.000 đồng còn lại H giữ và tiêu xài hết.

Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày S tiếp tục đem chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng đã trộm được đến nhà của Lê Quốc Kh và hỏi Khánh có mua điện thoại không. Kh hỏi điện thoại ở đâu ra thì S nói: “điện thoại lấy của người ta”. Kh hiểu là điện thoại do S trộm được nên hỏi thêm: “điện thoại này dùng có sao không?”. S nói: “Không sao” nên Khánh đồng ý mua với giá 300.000 đồng. Sau đó, Kh sử dụng điện thoại này đến 16 giờ 00 phút ngày 02/01/2023 thì bị Cơ quan Công an mời lên làm việc.

Tại Bản kết luận giám định giá trị tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 09/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C xác định: 01 laptop hiệu Lenovo màu đen trị giá 12.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng trị giá 1.700.000 đồng.

Nguyên nhân phạm tội là do Đặng Văn S nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để thực hiện hành vi trộm cắp. Đối với Ngô Hoàng Phi H và Lê Quốc Kh, nguyên nhân phạm tội là do H và S lười, muốn mua tài sản với giá rẻ nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

*** Về vật chứng vụ án:**

+ 01 laptop nhãn hiệu Lenovo màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Hồ Thị Kim Th nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Th theo quy định.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

+ Anh Nguyễn Văn H yêu cầu S và H trả lại số tiền 4.300.000 đồng mà anh H1 đã trả cho H khi mua laptop. H đã trả cho anh Hiệp số tiền 2.000.000 đồng. Anh Hiệp không yêu cầu các bị cáo phải trả tiếp số tiền 2.300.000 đồng còn lại.

+ Chị Th đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp nên không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 61/CT- VKS – CM ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Đặng Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Ngô Hoàng Phi H về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 của Bộ luật hình sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Lê Quốc Kh về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo S về tội “Trộm cắp tài sản”; truy tố bị cáo H, Kh về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo H được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại. Bị cáo Kh được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo S bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Đặng Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo S: mức án từ 20 tháng đến 24 tháng tù giam.

+ Tuyên bố bị cáo Ngô Hoàng Phi H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, Điều 38, điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo H mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù giam.

+ Tuyên bố bị cáo Lê Quốc Kh phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 65, điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Kh mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo.

- Phần trách nhiệm dân sự chị Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự nên đề nghị không xem xét.

Anh H nhận lại tiền bồi thường từ H và không yêu cầu bị cáo S, H bồi thường số tiền còn lại nên đề nghị không xem xét.

- Vật chứng vụ án: đã xử lý xong đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Phần tranh luận các bị cáo đồng ý với mức án Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Các bị cáo nói lời sau cùng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm về hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận, vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 31/12/2022 bị cáo S đã có hành vi lén lút leo rào vào nhà chị Hồ Thị Kim Th, sinh năm 1981, tại ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai lấy trộm 01 laptop hiệu Lenovo màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, S mang laptop đến gặp H để nhờ bán, H biết đây là tài sản do S trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mang laptop đến tiệm điện thoại Kim Anh bán cho anh H1 được 4.300.000 đồng, H đưa cho S 2.300.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng H giữ tiêu xài. Đến 23 giờ 00 phút cùng ngày, S tiếp tục mang điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng đến gặp Kh, mặc dù Kh biết rõ đây là tài sản do S trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mua với giá 300.000 đồng để sử dụng. Tổng giá trị tài sản bị cáo S trộm cắp của chị Th theo Bản kết luận định giá số 01/KL-HĐĐG ngày 09/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C xác định: 01 laptop hiệu Lenovo màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng trị giá 13.700.000đ (mười ba triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa trùng khớp với lời khai ban đầu, phù hợp với lời khai người bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hành vi do bị cáo S thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi do bị cáo H thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, Ngày 18/4/2019 H bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy, tại bản án này hành vi thực hiện của H đã bị xác định là tái phạm nên lần phạm tội này của H thuộc trường hợp tái phạm nguy

hiểm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi do bị cáo Khánh thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng số 61/CT- VKS – CM ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhận thấy:

Các bị cáo là những công dân có đầy đủ nhận thức và năng lực hành vi dân sự. Bị cáo Nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cho bản thân mà bị cáo vẫn bất chấp pháp luật và đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của chị Th. Đã từng nhiều lần bị đưa ra xét xử về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích đáng lẽ sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo phải lấy đó làm bài học để tu trí làm ăn, trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội nhưng bị cáo lại tiếp tục đi trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo H và Kh nhận thức rõ việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vì háo lợi mà các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, trong đó bị cáo H biết rõ đây là tài sản do S trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mang laptop đến tiệm điện thoại Kim Anh bán cho anh H1 với số tiền 4.300.000 đồng, H đưa cho S 2.300.000 đồng, giữ lại 2.000.000 đồng tiêu xài, bị cáo Kh mặc dù biết rõ điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng là tài sản do S trộm cắp nhưng vẫn đồng ý mua với giá 300.000 đồng để sử dụng, hành vi của các bị cáo là tiếp tay, dung dưỡng và tạo điều kiện cho những đối tượng có hành vi phạm tội có cơ hội tồn tại. Hành vi phạm tội của các bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp gây thiệt hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây hoang mang trong cộng đồng dân cư, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương.

Vì vậy, nhằm để giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo H, Kh không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Sơn, ngày 31/3/2021 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 07/11/2021. Đến ngày 31/12/2022 chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại. Bị cáo Kh phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s, b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về quyết định hình phạt:

Xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo S, H ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo thành công dân tốt và phòng ngừa chung, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo gây ra thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Bị cáo Kh có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có nhân thân tốt. Có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến việc đấu tranh phòng, chống tội phạm; thể hiện trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo được cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Đối cHcác điều kiện áp dụng án treo được quy định tại Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 15 tháng 5 năm 2018 thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

+ Chị Hồ Thị Kim Th đã nhận lại toàn bộ tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên không đặt ra xem xét.

+ Anh Nguyễn Văn H đã nhận số tiền 2.000.000 đồng từ bị cáo H, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm về dân sự nên không đặt ra xem xét.

[6] Về vật chứng vụ án: 01 laptop nhãn hiệu Lenovo màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Hồ Thị Kim Th nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Th theo quy định nên không xem xét.

* Đối với Ngô Quang D, quá trình điều tra xác định lời nói của D chỉ mang tính chất nói đùa, D chỉ hỏi Scó dám lấy hay không. D không có ý chí cùng thực hiện tội phạm với S và cũng không có ý muốn Sthực hiện hành vi trộm cắp. Ngoài ra cũng không có chứng cứ khác thể hiện D có vai trò đồng phạm với S trong vụ án này nên chưa có cơ sở để xử lý D là phù hợp.

* Đối với anh Nguyễn Văn H làm nghề mua bán điện thoại và dịch vụ cầm đồ, anh Hiệp không biết laptop H mang đến bán là tài sản do trộm cắp mà có nên không phạm tội.

[7] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên xem xét ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Ngô Hoàng Phi H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Lê Quốc Kh phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn S: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 01 năm 2023.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Ngô Hoàng Phi H: 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 3 năm 2023 (nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2023 đến ngày 03/01/2023).

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nghị quyết số: 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 15 tháng 5 năm 2018;

Xử phạt: Bị cáo Lê Quốc Kh: 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Quốc Kh cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: đã giải quyết xong, không xem xét.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đặng Văn S, Ngô Hoàng Phi H, Lê Quốc Kh, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm ngàn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(*mười lăm*) ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS tỉnh Đồng Nai;
- STP tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện C;
- VKS huyện C;
- THA.DS huyện C;
- THA hình sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*đã ký và đóng dấu*)

Lê Thị Khuyên